# DANH SÁCH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K37/2026

*(Kèm theo Công văn số 1236/TTLĐNN-TCLĐ ngày 12 /11/2026 của Trung tâm Lao động ngoài nước)*

| Stt | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Tỉnh/Tp | Mã học viên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 50370102 | Hoàng Văn Hùng | 30/03/1997 | Nam | Tỉnh Cao Bằng | **K37-01** | |
| 2 | 50329717 | Nguyễn Văn Anh | 10/03/2000 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-02** | |
| 3 | 50354907 | Nguyễn Văn Sử | 20/04/1989 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-03** | |
| 4 | 50371872 | Lê Thị Thu Hương | 06/12/1996 | Nữ | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-04** | |
| 5 | 50371943 | Bùi Hợp | 06/04/1988 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-05** | |
| 6 | 50304330 | Trần Văn Đức | 02/05/2002 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-06** | |
| 7 | 50304342 | Nguyễn Văn Tuấn | 1993/06/11 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-07** | |
| 8 | 50304463 | Nguyễn Văn Hải | 20/08/1992 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-08** | |
| 9 | 50304476 | Nguyễn Văn Đăng | 12/04/1996 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-09** | |
| 10 | 50304563 | Trần Ngọc Tiến | 02/07/1993 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-10** | |
| 11 | 50828215 | Nguyễn Ánh Tỏa | 29/11/2002 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-11** | |
| 12 | 50302064 | Lê Văn Thành | 26/12/1993 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-12** | |
| 13 | 50302146 | Cao Văn Đức | 05/05/1996 | Nam | Tỉnh Hà Tĩnh | **K37-13** | |
| 14 | 50311082 | Nguyễn Thị Nga | 02/09/1987 | Nữ | Tỉnh Hưng Yên | **K37-14** | |
| 15 | 50803663 | Bùi Đăng Nam | 24/10/2006 | Nam | Tỉnh Hưng Yên | **K37-15** | |
| 16 | 50803858 | Vũ Duy Quang | 16/11/2002 | Nam | Tỉnh Hưng Yên | **K37-16** | |
| 17 | 50812007 | Nguyễn Đình Thăng | 03/08/2006 | Nam | Tỉnh Hưng Yên | **K37-17** | |
| 18 | 50812009 | Giang Công Tiệp | 10/12/2003 | Nam | Tỉnh Hưng Yên | **K37-18** | |
| 19 | 50902115 | Trần Thế Triều | 14/11/2006 | Nam | Tỉnh Hưng Yên | **K37-19** | CNG2025 |
| 20 | 50370293 | Hoàng Quốc Khánh | 05/02/2002 | Nam | Tỉnh Lạng Sơn | **K37-20** | |
| 21 | 50370188 | Lý Thị Chản | 11/11/1995 | Nữ | Tỉnh Lào Cai | **K37-21** | |
| 22 | 50312272 | Lê Như Lý | 15/06/1995 | Nữ | Tỉnh Ninh Bình | **K37-22** | |
| 23 | 50300586 | Đào Mai Tùng | 22/07/2003 | Nam | Tỉnh Ninh Bình | **K37-23** | |
| 24 | 50300733 | Phạm Minh Đức | 30/12/2003 | Nam | Tỉnh Ninh Bình | **K37-24** | |
| 25 | 50810612 | Đoàn Trung Dưỡng | 03/08/2002 | Nam | Tỉnh Ninh Bình | **K37-25** | |
| 26 | 50813058 | Tô Hải Nam | 25/09/2003 | Nam | Tỉnh Ninh Bình | **K37-26** | |
| 27 | 50813241 | Đoàn Minh Toàn | 20/09/2005 | Nam | Tỉnh Ninh Bình | **K37-27** | |
| 28 | 50322617 | Trần Mạnh Hùng | 21/09/1988 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-28** | |
| 29 | 50323050 | Trần Hữu Cường | 28/03/1989 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-29** | |
| 30 | 50323104 | Hồ Nam Hà | 11/10/2000 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-30** | |
| 31 | 50324088 | Nguyễn Ngọc Sơn | 15/12/1996 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-31** | |
| 32 | 50325602 | Nguyễn Thị Tâm | 23/01/2000 | Nữ | Tỉnh Nghệ An | **K37-32** | |
| 33 | 50353999 | Trương Văn Trường | 2005/07/04 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-33** | |
| 34 | 50371706 | Dặm Văn Bảo | 14/06/1993 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-34** | |
| 35 | 50202932 | Phan Đức Mạnh | 19/05/2005 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-35** | |
| 36 | 50202960 | Ngô Quốc Tuân | 1993/10/02 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-36** | |
| 37 | 50202989 | Võ Văn Sơn | 08/11/1994 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-37** | |
| 38 | 50203018 | Nguyễn Văn Quân | 16/04/1997 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-38** | |
| 39 | 50303098 | Đặng Văn Đạt | 16/01/2003 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-39** | |
| 40 | 50303125 | Hoàng Khắc Hiện | 01/04/1993 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-40** | |

| Stt | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Tỉnh/Tp | Mã học viên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 41 | 50303138 | Nguyễn Hồng Tài | 15/09/1996 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-41** | |
| 42 | 50303139 | Đoàn Văn Nghĩa | 1997/06/08 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-42** | |
| 43 | 50303269 | Hồ Phúc Việt | 17/01/2006 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-43** | |
| 44 | 50823791 | Lê Đức Mạnh | 10/02/2006 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-44** | |
| 45 | 50824049 | Hồ Trọng Nam | 21/11/2006 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-45** | |
| 46 | 50824343 | Phan Văn Kiên | 27/07/2002 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-46** | |
| 47 | 50824949 | Trần Xuân Trường | 07/03/1997 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-47** | |
| 48 | 50824957 | Lê Khắc Tài | 19/07/2002 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-48** | |
| 49 | 50824965 | Nguyễn Mỹ Hoa | 02/09/2001 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-49** | |
| 50 | 50825209 | Hoàng Thị Tâm | 04/02/2005 | Nữ | Tỉnh Nghệ An | **K37-50** | |
| 51 | 50825417 | Trần Huy Hoàng | 09/08/1997 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-51** | |
| 52 | 50825616 | Nguyễn Thị Huyền | 28/02/2000 | Nữ | Tỉnh Nghệ An | **K37-52** | |
| 53 | 50903022 | Nguyễn Khắc Trung | 29/03/1996 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-53** | CNG2025 |
| 54 | 50905046 | Nguyễn Văn Tiến | 21/11/2006 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-54** | CNG2025 |
| 55 | 50301361 | Phan Văn Lệ | 03/08/2002 | Nam | Tỉnh Nghệ An | **K37-55** | |
| 56 | 50306249 | Đinh Công Huy | 08/11/2001 | Nam | Tỉnh Phú Thọ | **K37-56** | |
| 57 | 50306279 | Dương Thị Linh | 13/11/1995 | Nữ | Tỉnh Phú Thọ | **K37-57** | |
| 58 | 50306328 | Bùi Thị Thu Huyền | 01/07/2004 | Nữ | Tỉnh Phú Thọ | **K37-58** | |
| 59 | 50306354 | Hà Thị Thái | 11/09/2005 | Nữ | Tỉnh Phú Thọ | **K37-59** | |
| 60 | 50806581 | Nguyễn Trường Giang | 18/09/2003 | Nam | Tỉnh Phú Thọ | **K37-60** | |
| 61 | 50806626 | Nguyễn Văn Thêm | 09/05/2001 | Nam | Tỉnh Phú Thọ | **K37-61** | |
| 62 | 50806752 | Hà Quỳnh Như | 10/03/2006 | Nữ | Tỉnh Phú Thọ | **K37-62** | |
| 63 | 50330966 | Trần Thị Trà My | 10/01/2005 | Nữ | Tỉnh Quảng Trị | **K37-63** | |
| 64 | 50372053 | Nguyễn Văn Thắng | 10/07/1993 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-64** | |
| 65 | 50305767 | Mai Phú | 16/08/2002 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-65** | |
| 66 | 50305785 | Hoàng Văn Hào | 20/05/1993 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-66** | |
| 67 | 50305787 | Hoàng Hải | 20/05/1993 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-67** | |
| 68 | 50305911 | Hồ Xuân Hiếu | 19/05/1993 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-68** | |
| 69 | 50305961 | Trần Chí Thành | 25/11/1994 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-69** | |
| 70 | 50306008 | Phan Văn Thành | 05/07/1988 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-70** | |
| 71 | 50306083 | Nguyễn Lý Hùng | 29/10/2002 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-71** | |
| 72 | 50306101 | Nguyễn Như Ngọ | 08/01/2003 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-72** | |
| 73 | 50307039 | Nguyễn Công Mạnh | 10/12/2003 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-73** | |
| 74 | 50830342 | Dương Thanh Hải | 08/12/2006 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-74** | |
| 75 | 50830826 | Nguyễn Hồng Kỳ | 15/04/1999 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-75** | |
| 76 | 50302717 | Nguyễn Văn Thuyên | 25/09/1995 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-76** | |
| 77 | 50302839 | Hoàng Văn Khánh | 13/10/2003 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-77** | |
| 78 | 50302924 | Mai Văn Vang | 24/01/2002 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-78** | |
| 79 | 50303404 | Nguyễn Văn Khởi | 02/01/2000 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-79** | |
| 80 | 50303412 | Lê Mạnh Long | 07/07/2001 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-80** | |
| 81 | 50303445 | Trần Minh Huy | 04/11/2003 | Nam | Tỉnh Quảng Trị | **K37-81** | |
| 82 | 50200332 | Phùng Kiềm Phu | 16/11/1999 | Nam | Tỉnh Thái Nguyên | **K37-82** | |

| Stt | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Tỉnh/Tp | Mã học viên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 83 | 50200336 | Hoàng Văn Hồng | 27/08/1999 | Nam | Tỉnh Thái Nguyên | **K37-83** | |
| 84 | 50804705 | Nguyễn Phụ Quý | 29/08/2003 | Nam | Tỉnh Thái Nguyên | **K37-84** | |
| 85 | 50314032 | Lê Thị Trang | 24/05/2005 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-85** | |
| 86 | 50314208 | Lê Trọng Nghị | 05/09/1991 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-86** | |
| 87 | 50314224 | Lê Thị Thu Hà | 17/09/2005 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-87** | |
| 88 | 50314580 | Lê Sỹ Nam | 30/08/1991 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-88** | |
| 89 | 50314829 | Ngô Thị Trang | 1997/04/22 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-89** | |
| 90 | 50316249 | Nguyễn Văn Công | 16/10/1993 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-90** | |
| 91 | 50316658 | Phạm Thành Tâm | 04/08/1988 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-91** | |
| 92 | 50316878 | Lê Như Hoà | 22/07/1999 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-92** | |
| 93 | 50316990 | Lê Thị Bích Ngọc | 05/10/2001 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-93** | |
| 94 | 50318194 | Lê Thị Minh Ánh | 18/08/2000 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-94** | |
| 95 | 50318320 | Đào Thị Phương Thảo | 22/05/2004 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-95** | |
| 96 | 50318506 | Nguyễn Văn Khoa | 18/04/2002 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-96** | |
| 97 | 50318812 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 22/10/1993 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-97** | |
| 98 | 50318891 | Trương Thị Mai Phương | 02/09/2002 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-98** | |
| 99 | 50319319 | Nguyễn Thị Hà | 23/03/2000 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-99** | |
| 100 | 50319872 | Nguyễn Văn Thành | 25/07/2002 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-100** | |
| 101 | 50319953 | Hoàng Ngọc Khánh | 27/03/1993 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-101** | |
| 102 | 50321021 | Lê Văn Chí | 10/09/1995 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-102** | |
| 103 | 50321037 | Hoàng Thị Nhung | 2003/12/25 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-103** | |
| 104 | 50321183 | Lang Thị Oanh | 24/04/1996 | Nữ | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-104** | |
| 105 | 50345509 | Bùi Đình Nguyên | 20/02/1990 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-105** | |
| 106 | 50352423 | Nguyễn Văn Tiến | 10/02/1988 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-106** | |
| 107 | 50352740 | Bùi Sỹ Đức | 2003/04/09 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-107** | |
| 108 | 50371120 | Trương Văn Tất | 09/06/1994 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-108** | |
| 109 | 50371186 | Hà Hữu Bắc | 27/12/2004 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-109** | |
| 110 | 50371406 | Giàng Văn Thao | 13/01/2005 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-110** | |
| 111 | 50373925 | Bùi Văn Hướng | 06/12/2004 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-111** | |
| 112 | 50202259 | Hoàng Văn Tình | 27/06/1999 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-112** | |
| 113 | 50300932 | Lê Văn Thiên | 08/05/2006 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-113** | |
| 114 | 50300939 | Hoàng Văn Mạnh | 03/02/1993 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-114** | |
| 115 | 50301105 | Lê Văn Hùng | 30/06/1993 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-115** | |
| 116 | 50301199 | Phạm Văn Đào | 15/03/1987 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-116** | |
| 117 | 50301275 | Cao Văn Lâm | 15/02/2004 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-117** | |
| 118 | 50301309 | Vũ Bá Trung | 19/09/1993 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-118** | |
| 119 | 50301328 | Nguyễn Bá Tình | 26/12/2003 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-119** | |
| 120 | 50301366 | Nguyễn Ngọc Hiệp | 25/05/1993 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-120** | |
| 121 | 50815113 | Hà Văn Đông | 04/03/2001 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-121** | |
| 122 | 50815186 | Lê Công Tuấn Tú | 05/12/2006 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-122** | |
| 123 | 50815498 | Dương Văn Tuấn | 06/02/2002 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-123** | |
| 124 | 50815555 | Nguyễn Do Thọ | 14/10/2005 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-124** | |

| Stt | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Tỉnh/Tp | Mã học viên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 125 | 50816020 | Nguyễn Bá Đức | 01/12/2006 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-125** | |
| 126 | 50816455 | Lê Quang Thắng | 23/09/2006 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-126** | |
| 127 | 50816584 | Nguyễn Danh Hiệp | 11/01/2007 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-127** | |
| 128 | 50816868 | Lê Văn Minh | 18/12/2006 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-128** | |
| 129 | 50816894 | Lê Khắc Anh Vinh | 29/10/2005 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-129** | |
| 130 | 50817051 | Lê Văn Dũng | 11/05/2006 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-130** | |
| 131 | 50817311 | Lê Văn Tuấn | 21/04/2006 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-131** | |
| 132 | 50817331 | Lê Đình Khương | 29/12/2006 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-132** | |
| 133 | 50817658 | Trần Đăng Nam | 15/07/2003 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-133** | |
| 134 | 50817743 | Hoàng Anh Tài | 16/03/2005 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-134** | |
| 135 | 50818996 | Hoàng Thế Anh | 2002/11/09 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-135** | |
| 136 | 50819109 | Kiều Tuấn Thành | 18/01/2006 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-136** | |
| 137 | 50819123 | Trần Duy Chí | 15/03/2006 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-137** | |
| 138 | 50819125 | Nguyễn Quang Đạt | 22/11/2003 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-138** | |
| 139 | 50819315 | Lê Ngọc Sơn | 06/08/2000 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-139** | |
| 140 | 50819903 | Nguyễn Văn Linh | 08/02/2003 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-140** | |
| 141 | 50901087 | Thân Trọng Hậu | 02/09/1988 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-141** | CNG2025 |
| 142 | 50902051 | Trần Văn Ánh | 12/01/1989 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-142** | CNG2025 |
| 143 | 50300574 | Đào Văn Châu | 15/03/1994 | Nam | Tỉnh Thanh Hóa | **K37-143** | |
| 144 | 50307210 | Đoàn Văn Hiếu | 30/08/2001 | Nam | Thành phố Bắc Ninh | **K37-144** | |
| 145 | 50308193 | Nguyễn Văn Hùng | 24/08/2001 | Nam | Thành phố Bắc Ninh | **K37-145** | |
| 146 | 50370512 | Đào Hữu Huy | 16/08/1987 | Nam | Thành phố Bắc Ninh | **K37-146** | |
| 147 | 50370531 | Hồ Thị Phương | 01/05/1991 | Nữ | Thành phố Bắc Ninh | **K37-147** | |
| 148 | 50370731 | Lường Văn Xuyên | 30/05/1997 | Nam | Thành phố Bắc Ninh | **K37-148** | |
| 149 | 50201006 | Đồng Văn Mạnh | 1993/01/20 | Nam | Thành phố Bắc Ninh | **K37-149** | |
| 150 | 50201061 | Diệp Văn Chiến | 28/08/2001 | Nam | Thành phố Bắc Ninh | **K37-150** | |
| 151 | 50807813 | Thân Ngọc Hoàn | 10/01/2000 | Nam | Thành phố Bắc Ninh | **K37-151** | |
| 152 | 50807860 | Nguyễn Việt Hoàng | 03/04/2000 | Nam | Thành phố Bắc Ninh | **K37-152** | |
| 153 | 50808338 | Dương Đức Hưng | 15/12/2006 | Nam | Thành phố Bắc Ninh | **K37-153** | |
| 154 | 50301061 | Khuất Hải Yến | 06/08/2005 | Nữ | Thành phố Hà Nội | **K37-154** | |
| 155 | 50301137 | Nguyễn Thị Ngọc | 09/08/2000 | Nữ | Thành phố Hà Nội | **K37-155** | |
| 156 | 50301278 | Tạ Thị Thu Nhiễu | 2000/08/31 | Nữ | Thành phố Hà Nội | **K37-156** | |
| 157 | 50800085 | Đỗ Văn Huấn | 14/12/2004 | Nam | Thành phố Hà Nội | **K37-157** | |
| 158 | 50800176 | Nguyễn Danh Hải | 03/06/2002 | Nam | Thành phố Hà Nội | **K37-158** | |
| 159 | 50800361 | Nguyễn Chí Trung | 26/12/2003 | Nam | Thành phố Hà Nội | **K37-159** | |
| 160 | 50802589 | Lương Đức Minh | 30/09/2002 | Nam | Thành phố Hải Phòng | **K37-160** | |